

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 04/5/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lê.
2. Ông Lương Công Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ánh Việt - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 149/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-DS ngày 27/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V.

Địa chỉ: H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Đ - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH; Địa chỉ: Khu phố ĐT 1, thị trấn PH, huyện PH, tỉnh Phú Yên (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019). Người được ủy quyền lại ông Huỳnh Hoàng V - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (Theo giấy ủy quyền số 344/NHNo.PH ngày 01/6/2022). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, ông Nguyễn Tấn I, sinh năm 1961, địa chỉ: Thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tấn I, sinh năm 1961;
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1986;
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987;

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994;
- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1998; (*xin xét xử vắng mặt*).
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH ngày 04/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/9/2021, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I (ông I có văn bản ủy quyền cho bà L ký hợp đồng vay vốn theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2021) có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng số 4608LAV202102828 vay số tiền gốc 150.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay là chăn nuôi bò.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên ông Nguyễn Tấn I, bà Nguyễn Thị L đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08/09/HĐTC ngày 08/9/2021 thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 200m², thuộc số thửa 617, số tờ bản đồ 323-A, tọa lạc thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ207648 được UBND huyện PH cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn I ngày 21/9/2004, số vào sổ cấp GCN 000369QSĐĐ/2770/QĐ-UB.

Quá trình vay vốn bà L, ông I đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông I phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền nợ tính đến ngày 04/5/2023 (ngày xét xử) là 155.252.055đ, trong đó nợ gốc là 150.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 1.072.603đ, tiền lãi quá hạn 4.179.452đ. Nếu ông I, bà L không trả cho Ngân hàng hết số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 200m², thuộc số thửa 617, số tờ bản đồ 323-A, tọa lạc thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ207648 được UBND huyện PH cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn I ngày 21/9/2004, số vào sổ cấp GCN 000369QSĐĐ/2770/QĐ-UB để thu hồi khoản vay nợ nêu trên.

Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn I, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 17/3/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C1 trình bày: Ông C1 biết việc cha mẹ ông (Ông I, bà L) có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp huyện PH và thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 200 m² thửa số 617, tờ bản đồ 323A tọa lạc tại thôn QH, xã HQN, huyện PH. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông C1 không có ý kiến gì và nếu cha mẹ ông không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp theo quy định. Ông C1 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, có báo lại cho cha mẹ,

anh em biết. Do phải đi làm ăn xa nên ông C1 xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đảm bảo đúng quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định pháp luật, đề nghị căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện PH số tiền nợ tính đến ngày 04/5/2023, tổng cộng 155.252.055đ, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi trong hạn là 1.072.603đ, tiền lãi quá hạn 4.179.452đ. Trường hợp bà L, ông I không trả hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 200m², thuộc số thửa 617, số tờ bản đồ 323-A, tọa lạc thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ207648 được UBND huyện PH cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn I ngày 21/9/2004, số vào sổ cấp GCN 000369QSĐĐ/2770/QĐ-UB và tài sản trên đất để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vợ chồng bà L, ông I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Căn cứ quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I phải trả khoản nợ vay tính đến ngày xét xử ngày 04/5/2023, tổng cộng là 155.252.055đ, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi trong hạn là 1.072.603đ, tiền lãi quá hạn 4.179.452đ. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng giữa Ngân hàng với vợ chồng bà L, ông I có xác lập hợp đồng vay tài sản: Hợp đồng tín dụng số 4608LAV202102828 ngày 20/9/2021 vay

số tiền 150.000.000đ. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng bà L, ông I đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà L, ông I phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 150.000.000đ.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Vợ chồng bà L, ông I đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (04/5/2023), bị đơn còn nợ tiền lãi trong hạn là 1.072.603đ, tiền lãi quá hạn 4.179.452đ. Xét thấy yêu cầu tính lãi trên của Ngân hàng là trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận, ký kết của các bên, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản thế chấp: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08/09/HĐTC ngày 08/9/2021 giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 200m², thuộc số thửa 617, số tờ bản đồ 323-A, tọa lạc thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ207648 được UBND huyện PH cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn I ngày 21/9/2004, số vào sổ cấp GCN 000369QSĐĐ/2770/QĐ-UB.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C1 (con ruột ông I, bà L) cũng thừa nhận ông C1 xác nhận vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng bà L, ông I, nay vợ chồng bà L, ông I mất khả năng trả nợ cho Ngân hàng ông C1 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm mà bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ trong trường hợp vợ chồng bà L, ông I không trả nợ hoặc không trả đủ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng 4608LAV202102828 ngày 20/9/2021.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản: Vợ chồng ông I, bà L phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản với số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH đã nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản. Do đó, vợ chồng ông I, bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

[6] Về án phí: Bị đơn vợ chồng bà L, ông I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.762.602đ (làm tròn số 7.762.500đ). Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn vợ

chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I phải trả nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH số tiền tính đến ngày xét xử 04/5/2023 là tổng cộng 155.252.055đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi trong hạn là 1.072.603đ, tiền lãi quá hạn 4.179.452đ về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/5/2023), vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này; Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Khi vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I trả hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ207648 được UBND huyện PH cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn I ngày 21/9/2004, số vào sổ cấp GCN 000369/QSDĐ/2770/QĐ-UB.

Trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH (bao gồm tiền gốc và lãi) thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích đất 200m², thuộc số thửa 617, số tờ bản đồ 323-A, tọa lạc thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ207648 được UBND huyện PH cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn I ngày 21/9/2004, số vào sổ cấp GCN 000369 QSDĐ/2770/QĐ-UB và tài sản gắn liền trên đất để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I phải chịu 7.762.500đ (*Bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện PH số tiền tạm ứng án phí 3.804.000đ (*Ba triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007500 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí thẩm định tài sản: Vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V- Chi nhánh huyện PH đã nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản. Do đó, vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tấn I phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V- Chi nhánh huyện PH số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. PH;
- CCTHADS H. PH
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Minh Nhật